

**ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI SAU KHI SÁP NHẬP
ĐỀ ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026**

*(Áp dụng đối với đất ở và đất phi nông nghiệp)
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Ba Đình)*

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú <i>(nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)</i>
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khu vực 2/ Đất mặt tiền đường QL24 đoạn từ Km32+700 đến Km38+800							
-	Vị trí 1	650.000	650.000	Giữ nguyên	650.000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
II	Khu vực 2/ Đất mặt tiền đường BTXM đoạn từ cầu Nước Lô đến khu vực Trung tâm hành chính xã Ba Giang (cũ)							
-	Vị trí 3	300.000	300.000	Giữ nguyên	300.000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
III	Khu vực 2/ Đất mặt tiền đường BTXM đoạn từ nhà Ông Phạ đến trụ sở UBND xã (Ba Giang cũ)							
-	Vị trí 4	250.000	250.000	Giữ nguyên	250.000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai

IV	Khu vực 2/ Đất mặt tiền đường BTXM đoạn từ Suối Bà Ó đến nhà Ông Phạ							
-	Vị trí 5	200.000	200.000	Giữ nguyên	200.000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
V	Khu vực 3/ Đất mặt tiền đường BTXM đoạn từ Trụ sở UBND xã (Ba Giang cũ) đến thôn Ba Nhà							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
VI	Khu vực 3/ Đường BTXM Quốc lộ 24 KM34+300 (nhà ông Éo) đến nhà ông Dũng							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
VII	Khu vực 3/ Đường BTXM Quốc lộ 24 KM34+800 (nhà bà Côi) đến Nhà văn hóa thôn Đồng Dinh							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
VIII	Khu vực 3/ Đường BTXM Quốc lộ 24 KM35+800 (nhà bà Lan Bé) đến Nhà văn hóa thôn Nước Lang							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
IX	Khu vực 3/ Đường BTXM Quốc lộ 24 KM37+700 đến cầu Sông Tô							

-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
X	Khu vực 3/ Đất mặt tiền đường bê tông xi măng đoạn từ Km35+950 đến cầu Pa - Ó (thôn Kà La)							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
XI	Khu vực 3/ Đất mặt tiền đường đoạn từ đầu thôn Kà La đến cầu Suối Ghềm							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
XII	Khu vực 3/ Đất mặt tiền đường đoạn nội bộ thuộc Khu tái định cư Tổ 2, thôn Kà La, xã Ba Dinh							
-	Vị trí 1	160,000	160,000	Giữ nguyên	160,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
XIII	Khu vực 3/ Đường nội bộ khu TĐC Kà La							
-	Vị trí 5	80,000	80,000	Giữ nguyên	80,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai
XIV	Đất ở các vị trí khác còn lại							
-	Vị trí 5	80,000	80,000	Giữ nguyên	80,000	100	100	đảm bảo tính ổn định, chưa có biến động trong quản lý nhà nước về đất đai